TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 22-11-2019
V/v tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**;

Ông **Võ Minh Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Tiến** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLPT-HNGĐ ngày 07/10/2019 về *"Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân"*.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 128/2019/HNGĐ-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 07/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Terry Wallace T**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 09 đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Trần Thị Bích D** là Luật sư của Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: 127 L, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Trương Thị P**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 09 đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người phiên dịch: Ông **Nguyễn Kim Quốc V**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 51 đường N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trương Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Terry Wallace T cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2013, ông Terry Wallace T là người có quốc tịch Úc, nhiều lần sang Việt Nam du lịch; khoảng tháng 12/2014, ông Terry Wallace T và bà Trương Thị P gặp nhau, phát sinh tình cảm. Năm 2016, bà Trương Thị P đề xuất với ông Terry Wallace T nên có nơi ở riêng tại Việt Nam thì được ông Terry Wallace T đồng ý. Do ông Terry Wallace T là người nước ngoài, không thể đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; vì tin tưởng bà Trương Thị P nên ông Terry Wallace T đã nhiều lần cấp tiền cho bà Trương Thị P mua đất và xây dựng nhà. Ông Terry Wallace T đã tự nộp số tiền 850.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương *(Vietcombank)* - Chi nhánh H và ủy quyền cho bà Trương Thị P được rút tiền từ tài khoản cá nhân của ông với mục đích mua đất và làm nhà. Ngày 16/9/2016, bà Trương Thị P đã rút số tiền 850.000.000 đồng này để trả tiền mua đất. Sau khi mua được đất, ông Terry Wallace T tự thiết kế ngôi nhà và thông qua bà P liên hệ với ông Nguyễn D để ông D nhận thầu thi công ngôi nhà. Trong suốt quá trình xây dựng nhà, ông Terry Wallace T nhiều lần cấp tiền cho bà P thực hiện thanh toán nguyên vật liệu, trả tiền thi công và các chi phí khác để hoàn thành căn nhà. Cụ thể: Từ ngày 21/02/2017 đến ngày 20/10/2017, ông Terry Wallace T đã chuyển tiền vào tài khoản tại Ngân hàng Vietcombank và tự ông rút ra giao cho bà Trương Thị P số tiền tổng cộng là 89.300 Đôla Úc, tương đương với số tiền 1.495.000.000 đồng *(giá quy đổi tại thời điểm rút tiền 01 Đôla Úc bằng 16.700 đồng)*. Ngày 17/10/2017, ông Terry Wallace T và bà Trương Thị P được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và sinh sống trong ngôi nhà này cho đến nay.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, do ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất được ông Terry Wallace T cấp tiền cho bà Trương Thị P mua và xây dựng trước ngày hai bên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên ông Terry Wallace T khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận công sức đóng góp của ông và chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, gồm: Giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 851, tờ bản đồ số 4, diện tích 207m^2, tại số 09 đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam trị giá 5.382.000.000 đồng; nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất trị giá 1.328.825.000 đồng; tường rào trị giá 22.417.000 đồng; trụ cổng trị giá 1.800.000 đồng; cổng sắt trị giá 2.625.000 đồng; mái hiên trị giá 24.516.000 đồng; 01 bộ sô-pha trị giá 18.400.000 đồng; 01 tivi trị giá 10.192.000 đồng; 01 máy giặt trị giá 5.280.000

đồng; 01 máy quạt hơi nước trị giá 5.120.000 đồng; 01 máy điều hòa trị giá 5.200.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản chung là 6.806.375.000 đồng, ông Terry Wallace T đề nghị chia đôi khối tài sản chung này và có nguyện vọng giao toàn bộ khối tài sản chung cho bà Trương Thị P trọn quyền sở hữu và sử dụng; bà Trương Thị P có nghĩa vụ thanh toán 1/2 giá trị tài sản chung cho ông Terry Wallace T, tương đương với số tiền 3.403.187.500 đồng.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trương Thị P trình bày:

Toàn bộ tài sản nhà ở và thửa đất hiện nay tại số 09 đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam là tài sản riêng của bà có trước khi kết hôn với ông Terry Wallace T. Bà ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 08/11/2016 với giá trị ghi trong hợp đồng là 210.000.000 đồng, nhưng giá trị thực tế nhận chuyển nhượng khoảng 1.000.000.000 đồng; bà đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng trước ngày ký hợp đồng chuyển nhượng khoảng từ 3 đến 4 tháng. Đầu năm 2017, bà xây dựng ngôi nhà hết khoảng 1.200.000.000 đồng. Nguồn tài chính để bà mua đất và làm nhà có từ tiền tiết kiệm của bà khoảng 600.000.000 đồng, bán vàng của mẹ bà khoảng 400.000.000 đồng, tiền mừng cưới của con trai khoảng 100.000.000 đồng, mượn của bà Trương Thị T vào ngày 10/7/2016 là 100.000.000 đồng, mượn của ông Trương Văn T vào ngày 09/7/2016 là 200.000.000 đồng và mượn của ông Terry Wallace T là 300.000.000 đồng. Đối với khoản tiền 850.000.000 đồng mà ông Terry Wallace T cho rằng cấp cho bà để bà mua đất thì bà thừa nhận được ông Terry Wallace T ủy quyền cho bà rút tiền từ tài khoản của ông. Nhưng, khoản tiền này là ông Terry Wallace T cho bà để tiêu xài cá nhân, chứ không phải là tiền ông Terry Wallace T cấp cho bà để mua đất. Thực tế bà đã tiêu xài hết và không dùng khoản tiền này để mua đất hay làm nhà. Vì vậy, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Terry Wallace T.

Với nội dung như trên, tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 128/2019/HNGĐ-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng Điều 33, Khoản 2 Điều 34, Điều 38, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 208, Khoản 4 Điều 213 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Terry Wallace T đối với bà Trương Thị P về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 851, tờ bản đồ số 4, diện tích 207m^2, địa chỉ số 09 đường P, phường T, thành phố H; tường rào; trụ cổng; cổng sắt; mái hiên; 01 bộ sô-pha; 01 tivi; 01 máy giặt; 01 máy quạt hơi nước và 01 máy điều hòa.

Giao cho bà Trương Thị P quản lý, sử dụng và định đoạt nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 851, tờ bản đồ số 4, diện tích 207m^2, địa chỉ số 09 đường P, phường T, thành phố H và các tài sản gồm: tường rào, trụ

cổng, cổng sắt, mái hiên, 01 bộ ghế sô-pha, 01 tivi, 01 máy giặt, 01 máy điều hòa và 01 máy quạt. Nhà ở và thửa đất có tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp: Thửa T852;

- Phía Nam giáp: Thửa T860;

- Phía Tây giáp: Thửa T850;

- Phía Bắc giáp: Đường Phan Đăng Lưu.

Bà Trương Thị P có nghĩa vụ thối trả cho ông Terry Wallace T 1/2 giá trị tài sản chung của vợ chồng tương ứng với số tiền 3.403.187.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/9/2019 bị đơn bà Trương Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phúc thẩm, phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:* Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị P, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 128/2019/HNGĐ-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Do ông Terry Wallace T là người nước ngoài, không thể đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và do tin tưởng bà P nên ông Terry Wallace T đã nhiều lần cấp tiền cho bà P mua đất và xây dựng nhà. Cụ thể: Ông Terry Wallace T đã tự nộp số tiền 850.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông và ủy quyền cho bà P rút số tiền này với mục đích mua đất và làm nhà. Ngày 16/9/2016, bà P đã rút số tiền 850.000.000 đồng để trả tiền mua đất. Sau khi mua đất, ông Terry Wallace T tự thiết kế ngôi nhà và nhờ ông Nguyễn D thi công xây dựng ngôi nhà. Trong quá trình xây dựng nhà, ông Terry Wallace T cũng đã nhiều lần cấp tiền cho bà P để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, trả tiền thi công và các chi phí khác. Do đó, có đủ cơ sở để xác định ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất được ông Terry Wallace T cấp tiền cho bà P mua và xây dựng trước khi hai bên đăng ký kết hôn nên yêu cầu khởi kiện của ông Terry Wallace T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị P thì thấy:

[2.1] Đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 851, tờ bản đồ số 4, diện tích 207m^2 *(địa chỉ: Số 09 đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam)*: Thời điểm bà Trương Thị P nhận chuyển nhượng thửa đất này của vợ chồng ông Phan Thế P và bà Ngô Thị H theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng Công chứng H chứng thực là ngày 08/11/2016, trước khi bà Trương Thị P đăng ký kết hôn với ông Terry Wallace T *(đăng ký kết hôn vào ngày 17/10/2017)*. Ông Terry Wallace T thừa nhận việc tìm người chuyển nhượng quyền sử dụng đất để nhận chuyển nhượng và giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này đều do bà Trương Thị P là người trực tiếp thực hiện, ông không có tham gia. Tuy nhiên, ông Terry Wallace T cho rằng, những việc này đều do ông nhờ bà P thực hiện và ông là người cấp tiền cho bà P để bà P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Cụ thể, ông Terry Wallace T tự nộp số tiền 850.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh H và ủy quyền có thời hạn cho bà Trương Thị P được rút tiền từ tài khoản cá nhân này của ông với mục đích nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xây nhà. Bà Trương Thị P thừa nhận đã rút số tiền 850.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân của ông Terry Wallace T vào ngày 16/9/2016, nhưng bà cho rằng đây là số tiền mà ông Terry Wallace T cho bà để tiêu xài cá nhân. Đồng thời, bà P còn cho rằng trong nội dung Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện giá chuyển nhượng là 210.000.000 đồng, nhưng giá chuyển nhượng thực tế khoảng 1.000.000.000 đồng và việc giao dịch để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này là do tự cá nhân bà thực hiện, chứ ông Terry Wallace T không biết. Như vậy, việc ông Terry Wallace T cho rằng ông có nhờ bà Trương Thị P tìm người chuyển nhượng quyền sử dụng đất để nhận chuyển nhượng và đứng tên giao kết hợp đồng đều không được bà P thừa nhận và ông Terry Wallace T cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc ông ủy quyền cho bà P rút số tiền 850.000.000 đồng là để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[2.2] Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Mặc dù, thửa đất được bà Trương Thị P mua trước khi kết hôn với ông Terry Wallace T nhưng nguồn gốc thửa đất này được ông Terry Wallace T cấp tiền cho bà P mua. Thời điểm bà P rút số tiền 850.000.000 đồng là trong cùng thời gian từ lúc bà P đặt tiền cọc 50.000.000 đồng *(trước ngày ký hợp đồng chuyển nhượng khoảng 3 đến 4 tháng)* đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Và, bà P không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc cho và nhận tiền; từ đó, Tòa án

cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc thửa đất được ông Terry Wallace T cấp tiền cho bà P mua, để xác định đây là tài sản chung của vợ chồng là không có cơ sở. Trong khi đó, ông Terry Wallace T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc ông ủy quyền cho bà P rút số tiền 850.000.000 đồng là để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như ông đã trình bày. Đối với số tiền 850.000.000 đồng mà ông Terry Wallace T ủy quyền cho bà P rút vào ngày 16/9/2016, nếu có tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để xác định quyền sử dụng thửa đất số 851, tờ bản đồ số 4, diện tích 207m^2 là tài sản chung của ông Terry Wallace T và bà Trương Thị P, mà đó là tài sản riêng của bà P được hình thành trước thời kỳ hôn nhân, nên cần phải chấp nhận kháng cáo của bà P đối với bản án sơ thẩm về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất này.

[2.3] Đối với ngôi nhà ở, tường rào, trụ cổng, cổng sắt, mái hiên gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số 851, tờ bản đồ số 4, diện tích 207m^2 *(địa chỉ: Số 09 đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam)*: Ông Terry Wallace T cho rằng ông là người thiết kế ngôi nhà và thông qua bà Trương Thị P hợp đồng với ông Nguyễn D để xây dựng ngôi nhà. Trong quá trình thi công, hàng ngày ông Terry Wallace T đều có mặt để giám sát việc xây dựng và cấp tiền để bà P chi trả các khoản chi phí xây dựng và mua vật liệu. Lời khai của ông Terry Wallace T là phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn D, phù hợp với các chứng cứ giao nhận tiền giữa ông Terry Wallace T và bà Trương Thị P vào các ngày 26/02/2017, 27/02/2017, cũng như phù hợp với các hóa đơn mua bán nguyên vật liệu để xây dựng ngôi nhà do bà Trương Thị P cung cấp. Hơn nữa, thực tế sau khi xây dựng xong ngôi nhà thì cả hai người đều sống chung trong ngôi nhà này, sau khi mối quan hệ hôn nhân giữa ông Terry Wallace T và bà Trương Thị P phát sinh mâu thuẫn và không còn duy trì quan hệ vợ chồng thì ông Terry Wallace T vẫn tiếp tục ở trong ngôi nhà này. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị P không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ngôi nhà và các tài sản trên đất là tài sản riêng của bà. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngôi nhà ở, tường rào, trụ cổng, cổng sắt và mái hiên là tài sản chung của bà Trương Thị P và ông Terry Wallace T là có căn cứ.

[2.4] Đối với các tài sản trong nhà, gồm: 01 bộ bàn ghế sô-pha, 01 tivi Panasonic 49 inch, 01 máy giặt Panasonic, 01 máy điều hòa Gree và 01 máy quạt hơi nước Daikio: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trương Thị P thừa nhận những tài sản này do ông Terry Wallace T mua sắm. Đồng thời, nguyên đơn cũng xuất trình được chứng cứ chứng minh ông Terry Wallace T là người trực tiếp mua sắm những tài sản này. Nay, ông Terry Wallace T tự nguyện nhập tất cả những tài sản này vào tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các tài sản nêu trên là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà P đối với bản án sơ thẩm về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là ngôi nhà ở, tường rào, trụ cổng, cổng sắt, mái hiên, 01 bộ bàn ghế sô-pha, 01 tivi Panasonic 49 inch, 01 máy giặt Panasonic, 01 máy điều hòa Gree và 01 máy quạt hơi nước Daikio.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị P, sửa bản án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Terry Wallace T về việc chia tài sản chung đối với quyền sử dụng thửa đất số 851, tờ bản đồ số 4, diện tích 207m^2 *(địa chỉ: Số 09 đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam)*. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Terry Wallace T về việc chia tài sản chung là ngôi nhà ở, tường rào, trụ cổng, cổng sắt, mái hiên và các tài sản trong nhà, gồm: 01 bộ bàn ghế sô-pha, 01 tivi Panasonic 49 inch, 01 máy giặt Panasonic, 01 máy điều hòa Gree và 01 máy quạt hơi nước Daikio. Do bà Trương Thị P là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 851, tờ bản đồ số 4, diện tích 207m^2 nên giao ngôi nhà ở, tường rào, trụ cổng, cổng sắt, mái hiên cùng toàn bộ các tài sản chung trong nhà cho bà Trương Thị P được quyền sở hữu. Đồng thời, buộc bà Trương Thị P có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Terry Wallace T 50% giá trị tài sản chung theo kết quả định giá tài sản tương ứng với số tiền 712.187.000 đồng như bản án sơ thẩm là phù hợp với thực tế, đúng với quy định tại Điều 38, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Terry Wallace T và bà Trương Thị P mỗi người phải chịu 32.487.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Đồng thời, ông Terry Wallace T còn phải chịu 85.820.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên bà Trương Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị P, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 128/2019/HNGĐ-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 33, 38 và 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 28, các Điều 35, 38, 39, 147 và 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 208, Khoản 4 Điều 213, Điều 219 Bộ luật Dân sự và Khoản 1 Điều 26, Điểm b Khoản 5 Điều 27, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Terry Wallace T đối với bà Trương Thị P về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 851, tờ bản đồ số 4, diện tích 207m^2, địa chỉ: Số 09 đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Terry Wallace T đối với bà Trương Thị P về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là ngôi nhà ở, tường rào, trụ cổng, cổng sắt, mái hiên và các tài sản chung trong nhà, gồm: 01 bộ bàn ghế sô-pha, 01 tivi Panasonic 49 inch, 01 máy giặt Panasonic, 01 máy điều hòa Gree và 01 máy quạt hơi nước Daikio.

Giao cho bà Trương Thị P được sở hữu ngôi nhà ở *(02 tầng)*, tường rào, trụ cổng, cổng sắt, mái hiên và các tài sản trong nhà, gồm: 01 bộ bàn ghế sô-pha, 01 tivi Panasonic 49 inch, 01 máy giặt Panasonic, 01 máy điều hòa Gree và 01 máy quạt hơi nước Daikio *(ngôi nhà, tường rào, trụ cổng, cổng sắt, mái hiên hiện nằm trên thửa đất số 851, tờ bản đồ số 4, diện tích 207m^2, địa chỉ: Số 09 đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam)*.

Bà Trương Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Terry Wallace T 50% giá trị tài sản chung của vợ chồng tương ứng với số tiền 712.187.000 *(Bảy trăm mười hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị P phải chịu là 32.487.000 đồng *(Ba mươi hai triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn)* đồng. Ông Terry Wallace T phải chịu là 118.307.000 *(Một trăm mười tám triệu ba trăm lẻ bảy nghìn)* đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 39.450.000 *(Ba mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn)* đồng ông Terry Wallace T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009640 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Ông Terry Wallace T còn phải nộp tiếp số tiền là 78.857.000 *(Bảy mươi tám triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn)* đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị P không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà Trương Thị P số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009857 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án *(22/11/2019)*.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Quốc Bảo